

NỘI DUNG ÔN TẬP TOÁN 7 (Lần 2)
(Trong thời gian nghỉ chống dịch Corona)

Phần I: ĐẠI SỐ

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án đúng mà em chọn:

Câu 1: Tần số của một giá trị được ký hiệu là:

- A. N B. X C. M_0 D. n

Điểm thi môn Toán của một nhóm học sinh được giáo viên ghi lại ở bảng sau:

8	9	7	10	5	7	8	7	9	8
6	7	9	6	4	10	7	9	7	8

Dùng bảng số liệu trên để trả lời các câu hỏi sau:

Câu 2: Số các giá trị của dấu hiệu là:

- A. 20 B. 10 C. 9 D. 7

Câu 3: Tần số của học sinh có điểm 7 là:

- A. 7 B. 6 C. 5 D. 4

Câu 4: Số các giá trị khác nhau của dấu hiệu là:

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Bài 2: Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án đúng mà em chọn:

Một xạ thủ thi bắn súng. Số điểm đạt được sau mỗi lần bắn được ghi lại ở bảng sau:

8	9	10	9	9	10	8	7	9	8
10	7	10	9	8	10	8	9	8	8

Câu 1: Dấu hiệu cần tìm hiểu ở đây là:

- a. Số điểm đạt được của mỗi lần bắn b. Tổng số điểm của các lần bắn
c. số điểm lớn nhất của các lần bắn d. Số điểm nhỏ nhất của các lần bắn

Câu 2: Số các giá trị của dấu hiệu là:

- a. 4 b. 20 c. 10 d. 6

Câu 3: Số các giá trị khác nhau là:

- a. 3 b. 4 c. 5 d. 6

Câu 4: Tần số của giá trị 7 là:

- a. 6 b. 7 c. 2 d. 20

Câu 5: Giá trị có tần số lớn nhất là:

- a. 7 b. 8 c. 9 d. 10

Câu 6: Giá trị lớn nhất là:

- a. 9 b. 20 c. 6 d. 10

Bài 3: Thời gian giải toán (tính bằng phút) của 40 học sinh (học sinh nào cũng giải được) được giáo viên ghi lại như sau:

10	5	8	8	9	7	8	5	14	9
5	7	8	9	9	8	10	9	14	14
9	8	9	10	9	9	10	7	5	8
5	8	12	10	12	9	10	7	5	10

- a) Dấu hiệu ở đây là gì? Có bao nhiêu giá trị khác nhau?
b) Lập bảng “tần số”
c) Rút ra nhận xét.

Bài 4: Điểm kiểm tra toán (học kì I) của học sinh lớp 7A được cho ở bảng sau:

Điểm (x)	4	5	6	7	8	9	10	
Tần số (n)	3	7	5	10	4	5	6	N = 40

- a) Dấu hiệu ở đây là gì? Có tất cả bao nhiêu giá trị? Có bao nhiêu giá trị khác nhau?
b) Nêu nhận xét.

Phần II: HÌNH HỌC

Bài 1: Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án mà em chọn.

Câu 1: Tổng ba góc trong một tam giác có số đo bằng:

- A. 180° B. 90° C. 60° D. 120°

Câu 2: Cho $\Delta MNE = \Delta PQR$, biết $Q = 70^{\circ}$ thì:

- A. $M = 70^{\circ}$ B. $E = 70^{\circ}$ C. $N = 70^{\circ}$ D. $P = 70^{\circ}$

Câu 3: Số đo của mỗi góc trong tam giác đều là:

- A. 120° B. 30° C. 90° D. 60°

Câu 4: Tam giác DEF có $F = 40^{\circ}$, $D = 80^{\circ}$. Thì số đo E là:

- A. 40° B. 50° C. 70° D. 60°

Câu 5: Cho $\Delta ABC = \Delta DEF$, biết $A = 30^{\circ}$ thì:

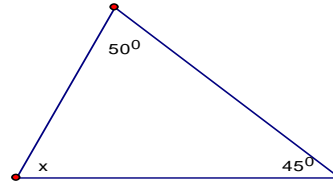
- A. $D = 30^{\circ}$ B. $E = 30^{\circ}$ C. $C = 30^{\circ}$ D. $F = 30^{\circ}$

Câu 6: Trong một tam giác vuông, kết luận nào sau đây là đúng:

- A. Hai góc nhọn bù nhau B. Hai góc nhọn phụ nhau
C. Số đo của mỗi góc bằng 90° D. Mỗi góc nhọn bằng 45°

Câu 7: Số đo x trong hình vẽ là:

- A. 95°
B. 115°
C. 85°
D. 135°



Câu 8: Cho tam giác ABC biết $C = 20^{\circ}$ và $B = 3.A$. Khi đó số đo góc B là:

- A. 40° B. 60° C. 90° D. 120°

Bài 2: Điền dấu “x” vào chỗ trống thích hợp:

Câu	Đúng	Sai
1. Tam giác cân là tam giác có 3 cạnh bằng nhau		
2. Tam giác cân là tam giác có 2 cạnh bằng nhau		
3. Trong tam giác cân 2 góc ở đáy bằng nhau		
4. Nếu góc A là góc ở đáy của một tam giác cân thì góc A nhỏ hơn 90°		
5. Nếu góc A là góc ở đỉnh của một tam giác cân thì góc A lớn hơn 90°		
6. Tam giác vuông có một góc nhọn bằng 45° là tam giác vuông cân		
7. Tam giác cân có một góc bằng 60° là tam giác đều		
8. Tam giác đều là tam giác cân.		

Bài 3: Cho tam giác ABC cân tại A, gọi M là trung điểm của BC.

Chứng minh $\Delta ABM = \Delta ACM$.

Bài 4: Cho tam giác ABC cân tại A. Kẻ $AH \perp BC$ ($H \in BC$).

a. Chứng minh $\Delta ABH = \Delta ACH$.

b. Kẻ $HD \perp AB$ ($D \in AB$), $HE \perp AC$ ($E \in AC$). Chứng minh ΔHDE cân.

Bài 5: Cho tam giác ABC có $A = 50^{\circ}$; $B = 65^{\circ}$.

a. Tính số đo góc C

b. Tam giác ABC là tam giác gì? Vì sao?

Bài 6: Cho tam giác ABC vuông tại A. Kẻ AH vuông góc với BC. Trên tia đối của tia HA lấy điểm E sao cho $HE = HA$. Chứng minh rằng:

a. $AB = BE$

b. Tam giác BEC vuông